TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 20 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 179/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Đỗ Thị Mỹ L, sinh năm 197x, CCCD: 06417900xxxx. Địa chỉ: 23A HTCC, Tổ 7, phường p, tỉnh Gia Lai.

2. Ông Bùi Thanh C, sinh năm 196x, CCCD: 05206401xxxx. Địa chỉ: 23A HTCC, Tổ 7, phường p, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Bùi Thanh C có đăng ký kết hôn ngày 02/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường PĐ (nay là phường p) tỉnh Gia Lai. Thời gian chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, nhiều lần cãi vã, mâu thuẫn ngày càng nhiều, không giải quyết được, không có tiếng nói chung, hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông bà đều có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Bùi Thị Diễm Q, sinh ngày 01/02/201x.

Ông, bà thống nhất và theo nguyện vọng của con: giao con chung cho ông Bùi Thanh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí**:** Bà Lệ và ông Cần tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm,

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Bùi Thanh C.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Bùi Thị Diễm Q, sinh ngày 01/02/201x.

Ông, bà thống nhất và theo nguyện vọng của con: giao con chung cho ông Bùi Thanh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Bà L và ông Cần tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003247, ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Bà L và ông C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND phường P, tỉnh Gia Lai; (GCNKH số 138 ngày 02/12/2014);
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Văn Bình